

Số: **207** /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **12** tháng **11** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4038/TTr-STP ngày 30 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **25** tháng **11** năm 2025. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực: Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 và Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND; Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP, Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- Báo và PTTH HP;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Công báo TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc VP UBND TP;
- Lưu: VT, NC, N.T.Dung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Châu



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số **201** /2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và những hoạt động phối hợp cụ thể của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành thành phố); Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Tuân thủ nguyên tắc, quy định pháp luật về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hoạt động quản lý Nhà nước về tổ chức thi hành văn bản pháp luật được thực hiện kịp thời, thống nhất, chặt chẽ và hiệu quả.

3. Bảo đảm hoạt động tổ chức thi hành pháp luật hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng pháp luật trên địa bàn thành phố.

4. Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan đầu mối phối hợp và các cơ quan có liên quan; bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, có kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan nhà nước, sự tham gia của cá nhân, tổ chức trong tổ chức thi hành văn bản pháp luật.

Điều 3. Các nội dung phối hợp

1. Xây dựng kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
4. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
5. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật.
6. Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật.
7. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
8. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 4. Các hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức các hoạt động liên ngành.
3. Tổ chức họp, hội thảo, tọa đàm, điều tra, khảo sát, sơ kết, tổng kết công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHỮNG HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP CỤ THỂ

Điều 5. Xây dựng kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành gồm:

a) Kế hoạch triển khai thi hành luật, nghị quyết, pháp lệnh do Chính phủ trình; các văn bản quy phạm pháp luật khác do các cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành trong trường hợp cần thiết.

b) Kế hoạch triển khai thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố (do Ủy ban nhân dân thành phố trình); quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố trong trường hợp cần thiết và được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, căn cứ kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành và phạm vi, lĩnh vực quản lý, các sở, ban, ngành chủ trì xây dựng dự thảo, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật chủ động xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thời hạn xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung của kế hoạch triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

4. Cơ quan chủ trì xây dựng kế hoạch có trách nhiệm gửi Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này về Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày ban hành để theo dõi, tổng hợp.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành của Thủ tướng Chính phủ ban hành; thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố gửi Bộ Tư pháp.

2. Trên cơ sở Kế hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, ngành Trung ương và thực tiễn thi hành pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi về Sở Tư pháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch để theo dõi, tổng hợp.

Điều 7. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Căn cứ thẩm quyền hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân (do Ủy ban nhân dân trình), Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát nội dung đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật để tham mưu, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, ký ban hành văn bản hướng dẫn. Hồ sơ báo cáo bao gồm các văn bản, tài liệu sau đây:

a) Tờ trình ban hành văn bản hướng dẫn;

- b) Dự thảo văn bản về việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Văn bản đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- d) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan (nếu có);
- đ) Các tài liệu khác (nếu cần thiết).

2. Các sở, ban, ngành thành phố hướng dẫn hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

3. Việc tiếp nhận, xử lý đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và việc đăng tải văn bản hướng dẫn được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 5 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP. Việc tiếp nhận, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật đó.

2. Hình thức, báo cáo sơ kết, tổng kết thi hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 9 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật

1. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động tổ chức thi hành pháp luật, các sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội; Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân; Tòa án nhân dân; Viện Kiểm sát nhân dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan phối hợp thực hiện cung cấp thông tin về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các hoạt động phối hợp cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức liên quan trên địa bàn thành phố.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về tình hình thi hành

pháp luật theo các hình thức sau:

- a) Bảng văn bản.
- b) Trực tiếp tại các cơ quan có thẩm quyền, hoặc tại đơn vị mình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- c) Thông qua Công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp quy định pháp luật.

Điều 10. Thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Tiếp nhận, thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật từ các nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

b) Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Tổng hợp việc xử lý kết quả trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hằng năm của Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực, địa bàn;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các hoạt động thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền;

c) Xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật và gửi kết quả đến Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.

Điều 11. Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Căn cứ Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của thành phố trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Đoàn kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật, việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực ở địa phương;

b) Cử cán bộ, công chức có chuyên môn, nghiệp vụ tham gia Đoàn kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật theo đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật tại địa phương;

b) Phối hợp với Đoàn kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm tra.

Điều 12. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật

1. Báo cáo định kỳ hằng năm:

a) Các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực, địa phương theo mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP, gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

b) Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Báo cáo chuyên đề: Sở Tư pháp tham mưu, thực hiện báo cáo chuyên đề theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Ngoài việc thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP; báo cáo tổ chức thi hành pháp luật chuyên đề, đột xuất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ,

Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân thành phố và cơ quan, người có thẩm quyền trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước đảm bảo và từ các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có); theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, Hội Luật gia thành phố, Đoàn Luật sư thành phố, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp thực hiện công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố.

4. Trong quá trình triển khai, thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

